

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1885**/UBND-KSTTHC

Hải Phòng, ngày **07** tháng **8** năm 2023

V/v triển khai thực hiện Thông tư số
50/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của
Bộ trưởng Bộ Tài chính

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị thành phố;
- Ủy ban nhân dân các quận, huyện.

Căn cứ Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (Nghị định số 24/2023/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 42/2023/NĐ-CP ngày 29/6/2023 của Chính phủ điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng (Nghị định số 42/2023/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 50/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 và điều chỉnh trợ cấp hằng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 42/2023/NĐ-CP ngày 29/6/2023 của Chính phủ (Thông tư số 50/2023/TT-BTC);

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 3120/STC-QLNS ngày 27/7/2023, Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các quận, huyện triển khai thực hiện Thông tư số 50/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ Tài chính theo các nội dung sau:

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh của Thông tư số 50/2023/TT-BTC

a) Điều chỉnh mức lương cơ sở đối với các đối tượng làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại Nghị định số 24/2023/NĐ-CP.

b) Điều chỉnh quỹ phụ cấp cho người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố theo mức khoán quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ và Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ.

c) Điều chỉnh trợ cấp cho cán bộ xã đã nghỉ việc theo Quyết định số 130/CP ngày 20/6/1975 của Hội đồng Chính phủ và Quyết định số 111-HĐBT ngày 13/10/1981 của Hội đồng Bộ trưởng theo quy định tại Nghị định số 42/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

1.2. Đối tượng áp dụng

- a) Các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị khối thành phố.
- b) Ủy ban nhân dân các quận, huyện.
- c) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan.

2. Nguyên tắc xác định nhu cầu kinh phí điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP và điều chỉnh trợ cấp cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 42/2023/NĐ-CP

2.1. Đối tượng cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc được điều chỉnh mức lương cơ sở thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 10/2023/TT-BNV ngày 26/6/2023 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện mức lương cơ sở đối với các đối tượng hưởng lương, phụ cấp trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổ chức chính trị - xã hội và Hội và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền. Trong đó, đề nghị chú ý một số nội dung sau:

a) Tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc để xác định nhu cầu kinh phí điều chỉnh mức lương cơ sở là số thực có mặt tại thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2023 trong phạm vi số biên chế được cấp có thẩm quyền giao (hoặc phê duyệt).

b) Không tổng hợp số đối tượng vượt chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao (hoặc phê duyệt) năm 2023; các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm xử lý số biên chế dôi dư theo quy định của pháp luật.

c) Không tổng hợp số đối tượng là người làm việc theo chế độ hợp đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 24/2023/NĐ-CP; các cơ quan, đơn vị bố trí từ dự toán ngân sách nhà nước được giao và các nguồn thu hợp pháp khác để chi trả cho các đối tượng này theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

2.2. Nhu cầu kinh phí điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP cho các đối tượng nêu tại mục 2.1 căn cứ vào mức tiền lương cơ sở tăng thêm; hệ số lương theo ngạch, bậc, chức vụ; hệ số phụ cấp lương theo chế độ quy định (không kể tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ và các khoản phụ cấp được quy định bằng mức tuyệt đối), tỷ lệ các khoản đóng góp theo chế độ (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn). Trong đó, cách thức xác định mức lương, phụ cấp thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ và các cơ quan có thẩm quyền.

2.3. Nhu cầu kinh phí bao gồm cả phần ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chế độ phụ cấp ưu đãi nghề đối với công chức viên chức tại các cơ sở y tế công lập theo Nghị định số 05/2023/NĐ-CP ngày 15/02/2023 của Chính phủ, chính sách tinh giản biên chế, chính sách nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ công tác chờ

đủ tuổi nghỉ hưu cho các đối tượng do địa phương quản lý theo quy định của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP, Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế, Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và các văn bản hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

2.4. Nhu cầu kinh phí điều chỉnh trợ cấp tăng thêm cho cán bộ xã nghỉ việc được xác định căn cứ vào số đối tượng thực có mặt tại thời điểm ngày 01/7/2023, mức trợ cấp tăng thêm quy định tại Nghị định số 42/2023/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Nội vụ về việc điều chỉnh mức trợ cấp hằng tháng.

2.5. Nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ phụ cấp, trợ cấp tính trên lương, ngạch, bậc hoặc mức lương cơ sở được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành và hướng dẫn của các Bộ, cơ quan Trung ương sau thời điểm ngày 01/7/2023 (nếu có) được tổng hợp vào nhu cầu kinh phí thực hiện cải cách tiền lương năm 2023 và xử lý nguồn thực hiện theo các quy định của Thông tư số 50/2023/TT-BTC.

3. Nguồn kinh phí thực hiện

- Việc xác định nguồn kinh phí điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP và điều chỉnh trợ cấp cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 42/2023/NĐ-CP: thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4, Điều 3 Thông tư số 50/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ Tài chính.

- Ngân sách thành phố hỗ trợ nhu cầu kinh phí điều chỉnh tiền lương tăng thêm cho các cơ quan, đơn vị và các quận, huyện sau khi đã cân đối các nguồn kinh phí điều chỉnh tiền lương mà chưa đáp ứng đủ nhu cầu thực hiện cải cách tiền lương theo chế độ quy định.

4. Triển khai thực hiện

4.1. Giao các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị thành phố và Ủy ban nhân dân các quận, huyện (kể cả các cơ quan, đơn vị và quận, huyện đã đảm bảo đủ nguồn để thực hiện):

- Tổng hợp nhu cầu, nguồn kinh phí thực hiện Nghị định số 24/2023/NĐ-CP và Nghị định số 42/2023/NĐ-CP, gửi văn bản về Sở Tài chính **chậm nhất vào ngày 25/8/2023** để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Tài chính theo quy định.

(Các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị thành phố gửi báo cáo nhu cầu và nguồn theo Biểu mẫu số 1a, 1b, 1c và 1d; các quận, huyện gửi báo cáo nhu cầu và nguồn theo Biểu mẫu số 2, 2a đến 2g, 3a đến 3đ, 4a và 4b kèm theo văn bản này).

- Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố về tính chính xác, thống nhất về thông tin, số liệu tổng hợp, nội dung báo cáo và thời hạn gửi báo cáo.
- Trong quá trình triển khai thực hiện, các cấp, các ngành phối hợp chặt chẽ, thường xuyên với Sở Tài chính để xử lý, hướng dẫn, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc phát sinh theo thẩm quyền.

4.2. Giao Sở Tài chính căn cứ số liệu do các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân các quận, huyện gửi, tổng hợp nhu cầu và nguồn kinh phí thực hiện Nghị định số 24/2023/NĐ-CP và Nghị định 42/2023/NĐ-CP của Chính phủ, báo cáo và dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt và phân bổ kinh phí thực hiện cho các cơ quan, đơn vị khối thành phố và Ủy ban nhân dân các quận, huyện; đồng thời, tổng hợp, dự thảo văn bản của Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Bộ Tài chính theo quy định.

Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu Giám đốc các Sở, ngành, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện nghiêm túc thực hiện nhiệm vụ được giao đảm bảo chất lượng và tiến độ thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố các vấn đề vướng mắc, vượt thẩm quyền (nếu có) để kịp thời chỉ đạo giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- VPCP;
- Các Bộ: TC, NV;
- TTTU, TTHĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Các Phòng: KSTTHC, TCNS, NC&KTGS;
- CV: KSTTHC2;
- Lưu: VT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tùng

Đơn vị: 1.000 đồng

Ghi chú:

(1) Chỉ tính các khoản phụ cấp do Trung ương quy định, không kể tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ, phụ cấp theo mức tuyệt đối

(2) Mức đóng BHXH là 17,5%, BHYT là 3%, BHTN là 1%, KPCĐ là 2%.

(3) Không tổng hợp phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức công tác tại các cơ sở y tế công lập theo Nghị định số 05/2023/NĐ-CP ngày 15/02/2023 của Chính phủ

Hải Phòng, ngày... ..tháng... ..năm 2023

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ...

(Ký tên, đóng dấu)

BÁO CÁO NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 24/2023/NĐ-CP CỦA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH,
ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP KHỐI THÀNH PHỐ

(Kèm theo Công văn số 1885. /UBND-KSTTHC ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Nhu cầu KP điều chỉnh mức LCS theo ND số 24/2023/NĐ-CP năm 2023	Nguồn thực hiện CCTL năm 2022 chưa sử dụng hết chuyển sang năm 2023 (nếu có)	Số thu được để lại theo chế độ			Số đã sử dụng để thực hiện NQ05, NQ01 của HĐND TP về TN tăng thêm năm 2023	Nguồn thực hiện CCTL năm 2023 còn dư đến 31/7/2023	Chênh lệch nhu cầu và nguồn thực hiện	Ghi chú
				Số thu phí, dịch vụ thực hiện năm 2022	Số thu phí, dịch vụ kế hoạch năm 2023	Số thu được để lại theo chế độ năm 2023 để thực hiện điều chỉnh tiền lương				
A	B	I	2	3	4	5	6	7=2+5-6	8=7-1	9
	Tổng số									
	(Chi tiết theo từng DV trực thuộc (nếu có) và theo từng nguồn thu)									
1	Đơn vị/Nguồn thu...									
...	...									

..., ngày... ..tháng... ..năm 2023
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ...
(Ký tên, đóng dấu)

TỔNG HỢP PHỤ CẤP ƯU ĐÃI NGHỀ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 05/2023/NĐ-CP NGÀY 15/02/2023 CỦA CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Công văn số 1885/UBND-KSTTHC ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Chỉ tiêu	Tổng số đối tượng	Tổng hệ số	Bao gồm:				Mức phụ cấp ưu đãi theo Nghị định 56/2011/NĐ-CP của Chính phủ	Mức phụ cấp ưu đãi theo Nghị định 05/2013/NĐ-CP của Chính phủ	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi	Nhu cầu kinh phí tăng thêm 1 tháng (lương 1,49 trđ)	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023
				Hệ số lương theo ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó							
						Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung						
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	10	11=10-9	12=4x11x1.490	13=12x12T	14=12x6T+12x1.800/1.490x6T
	Tổng số												
I	Cấp tỉnh								100%				
1	Đơn vị...								100%				
...	...								100%				
2	Đơn vị...								100%				
...	...								100%				
II	Cấp huyện								100%				
1	Huyện A								100%				
1.1	Đơn vị...								100%				
...	...								100%				
2	Huyện B								100%				
2.1	Đơn vị...								100%				
...	...								100%				

Ghi chú: Chỉ tiêu tăng đối tượng lương

Ghi chú: Chi tiết từng đối tượng hưởng.

..., ngày... tháng... năm 2023
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ...
(Ký tên, đóng dấu)

BÁO CÁO NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 24/2023/NĐ-CP NĂM 2023
(Kèm theo Công văn số ~~1885~~ /UBND-KSTTHC ngày ~~07~~ tháng **8** năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Biên chế (BC) năm 2022 được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt	Biên chế thực có mặt tại thời điểm 01/7/2022	BC năm 2023 được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt	Biên chế thực có mặt tại thời điểm 01/7/2023	HỆ SỐ LƯƠNG, PHỤ CẤP VÀ CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP THÁNG 7/2023																		NHU CẦU KP TIỀN LƯƠNG TĂNG THÊM 1 THÁNG	NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 24/2023/NĐ-CP NĂM 2023		
						TỔNG CỘNG	LƯƠNG THEO NGẠCH, BẠC CHỨC VỤ	TỔNG CÁC KHOẢN PHỤ CẤP (1)	Trong đó												CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ (2)	Trong đó					
									PHỤ CẤP KHU VỰC	PHỤ CẤP CHỨC VỤ	PHỤ CẤP THẨM NIÊN VƯỢT KHUNG	PHỤ CẤP ƯU ĐÃI NGÀNH (3)	PHỤ CẤP THU HÚT	PHỤ CẤP CÔNG TÁC LÃU NĂM	PHỤ CẤP CÔNG VỤ	PHỤ CẤP CÔNG TÁC ĐĂNG	PHỤ CẤP THẨM NIÊN NGHỀ	PHỤ CẤP KHÁC	BHXH	BHYT		BHTN	KPCĐ				
A	B	1	2	3	4	5 = 6 + 7 + 18	6	7 = 8 + ... + 17	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18 = 19 + ... + 22	19	20	21	22	23 = 5*310	24 = 23*6th		
I	Hoạt động phí đại biểu HĐND cấp tỉnh																										
1	Ông Nguyễn Văn A																										
...	...																										
II	Phụ cấp trách nhiệm cấp ủy của các Ủy viên cấp tỉnh																										
1	Ông Nguyễn Văn B																										
...	...																										

..., ngày... .. tháng... .. năm 2023
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ...
(Ký tên, đóng dấu)

BÁO CÁO NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 24/2023/NĐ-CP NĂM 2023
(Kèm theo Công văn số **1885** /UBND-KSTTHC ngày **07** tháng **8** năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	BIÊN CHẾ ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN GIAO HOẶC PHÊ DUYỆT NĂM 2023	TỔNG SỐ ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG LƯƠNG CÓ MẶT ĐẾN 01/7/2023	HỆ SỐ LƯƠNG, PHỤ CẤP VÀ CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP THÁNG 7/2023														NHU CẦU TĂNG LƯƠNG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2023	NGUỒN CCTL CÒN DƯ ĐẾN 31/7/2023	CHẾNH LỆCH NHU CẦU VÀ NGUỒN THỰC HIỆN
				TỔNG CỘNG	LƯƠNG THEO NGẠCH, BẠC CHỨC VỤ	TỔNG CÁC KHOẢN PHỤ CẤP (1)	Trong đó										CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ (2)			
							PHỤ CẤP KHU VỰC	PHỤ CẤP CHỨC VỤ	PHỤ CẤP THẨM NIÊN VƯỢT KHUNG	PHỤ CẤP ƯU ĐÃI NGÀNH (4)	PHỤ CẤP THU HÚT	PHỤ CẤP CÔNG TÁC LÃU NĂM	PHỤ CẤP CÔNG VỤ	PHỤ CẤP CÔNG TÁC ĐẢNG	PHỤ CẤP THẨM NIÊN NGHỀ	PHỤ CẤP KHÁC				
1	2	3	4	5 = 6 + 7 + 18	6	7 = 8 + .. + 17	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19 = 5*31/0 *6th	20	21 = 20 - 19
	TỔNG CỘNG (I+...+VII)																			
I	KHU VỰC HCSN, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ (3)																			
	Trong đó:																			
1	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo																			
	- Giáo dục:																			
	- Đào tạo																			
2	Sự nghiệp y tế																			
3	Sự nghiệp khoa học-công nghệ																			
4	Sự nghiệp văn hoá thông tin																			
5	Sự nghiệp phát thanh truyền hình																			
6	Sự nghiệp thể dục - thể thao																			
7	Sự nghiệp đảm bảo xã hội																			
8	Hoạt động kinh tế																			
9	Sự nghiệp môi trường																			
10	Quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể																			
	- Quản lý NN																			
	- Đảng, đoàn thể																			
II	CÁN BỘ CHUYỂN TRÁCH, CÔNG CHỨC XÃ																			
III	HOẠT ĐỘNG PHÍ ĐẠI BIỂU HĐND CÁC CẤP																			
	+ Cấp tỉnh																			
	+ Cấp huyện																			
	+ Cấp xã																			
IV	PHỤ CẤP TRÁCH NHIỆM CẤP ỦY																			
	+ Ủy viên cấp tỉnh																			
	+ Ủy viên cấp huyện																			
	+ Ủy viên cấp xã																			
V	CÁN BỘ KHÔNG CHUYỂN TRÁCH XÃ																			
1	Cán bộ KCT ở xã, phường, TT																			
2	Cán bộ KCT ở thôn, tổ dân phố																			
VI	CHI CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG																			
VII	CÁN BỘ XÃ ĐÃ NGHỈ VIỆC HƯỞNG TRỢ CẤP HẲNG THÁNG THEO ND 42/2023/NĐ-CP																			

Ghi chú:

- (1) Chi tính các khoản phụ cấp do Trung ương quy định, không kể tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ, phụ cấp theo mức tuyệt đối
- (2) Mức đóng BHXH là 17,5%, BHYT là 3%, BHTN là 1%, KPCĐ là 2%.
- (3) Chỉ tổng hợp nhu cầu kinh phí các đơn vị chưa tự bảo đảm chi thường xuyên.
- (4) Không tổng hợp phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức công tác tại các cơ sở y tế công lập theo Nghị định số 05/2023/NĐ-CP ngày 15/02/2023 của Chính phủ

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2023
ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN/HUYỆN...
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

BÁO CÁO NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 24/2023/NĐ-CP NĂM 2023 - KHÔI QUẬN, HUYỆN
(Kèm theo Công văn số **1885** /UBND-KSTTHC ngày **07** tháng **8** năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Đơn vị	BIÊN CHẾ ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN GIAO HOẶC PHÊ DUYỆT NĂM 2023	TỔNG SỐ ĐỔI TƯỢNG HƯỞNG LƯƠNG CÓ MẬT ĐẾN 01/7/2023	HỆ SỐ LƯƠNG, PHỤ CẤP VÀ CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP THÁNG 7/2023														NHU CẦU TĂNG LƯƠNG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2023	NGUỒN CCTL CÒN DƯ ĐẾN 31/7/2023	CHÊNH LỆCH NHU CẦU VÀ NGUỒN THỰC HIỆN
				TỔNG CỘNG	LƯƠNG THEO NGẠCH, BẠC CHỨC VỤ	TỔNG CÁC KHOẢN PHỤ CẤP	Trong đó										CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ			
							PHỤ CẤP KHU VỰC	PHỤ CẤP CHỨC VỤ	PHỤ CẤP THẨM NIÊN VƯỢT KHUNG	PHỤ CẤP ƯU ĐÃI NGÀNH	PHỤ CẤP THU HÚT	PHỤ CẤP CÔNG TÁC LÂU NĂM	PHỤ CẤP CÔNG VỤ	PHỤ CẤP CÔNG TÁC ĐĂNG	PHỤ CẤP THẨM NIÊN NGHỀ	PHỤ CẤP KHÁC				
1	2	3	4	5 = 6 + 7 + 18	6	7 = 8 + .. + 17	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19 = 5*310 *6th	20	21 = 20-19
	TỔNG CỘNG (I+...+VII)																			
I	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC																			
1	Đơn vị (Phòng, ban)...																			
	...																			
2	Đơn vị (Phòng, ban)...																			
	...																			
3	...																			
II	HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN																			
	...																			
III	KHỎI ĐẢNG																			
	...																			
IV	KHỎI ĐOÀN THỂ																			
1	Mặt trận Tổ quốc																			
2	Hội cựu Chiến binh																			
3	Hội Nông dân																			
4	Hội Phụ nữ																			
5	Đoàn Thanh niên																			
V	PHỤ CẤP ĐẠI BIỂU HĐND																			
VI	PHỤ CẤP TRÁCH NHIỆM CẤP ỦY																			
VII	TRUNG TÂM BỒI DƯỠNG CHÍNH TRỊ																			

Hải Phòng, ngày... tháng... năm 2023
ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN/HUYỆN...
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

BÁO CÁO NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 24/2023/NĐ-CP NĂM 2023
(Kèm theo Công văn số 1885/UBND-KSTTHC ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Đơn vị	BIÊN CHẾ ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN GIAO HOẶC PHÊ DUYỆT NĂM 2023	TỔNG SỐ ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG LƯƠNG CÓ MẶT ĐẾN 01/7/2023	HỆ SỐ LƯƠNG, PHỤ CẤP VÀ CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP THÁNG 7/2023														NHU CẦU TĂNG LƯƠNG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2023	NGUỒN CCTL CÒN DƯ ĐẾN 31/7/2023	CHÉNH LỆCH NHU CẦU VÀ NGUỒN THỰC HIỆN
				TỔNG CỘNG	LƯƠNG THEO NGẠCH, BẬC CHỨC VỤ	TỔNG CÁC KHOẢN PHỤ CẤP	Trong đó										CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ			
							PHỤ CẤP KHU VỰC	PHỤ CẤP CHỨC VỤ	PHỤ CẤP THẨM NIÊN VƯỢT KHUNG	PHỤ CẤP ƯU ĐÃI NGÀNH	PHỤ CẤP THU HÚT	PHỤ CẤP CÔNG TÁC LÂU NĂM	PHỤ CẤP CÔNG VỤ	PHỤ CẤP CÔNG TÁC ĐĂNG	PHỤ CẤP THẨM NIÊN NGHỀ	PHỤ CẤP KHÁC				
1	2	3	4	5 = 6 + 7 + 18	6	7= 8 +...+17	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19=5*310 *6th	20	21=20-19
	TỔNG CỘNG																			
1	Sự nghiệp văn hóa thông tin																			
	Đơn vị...																			
	...																			
2	Sự nghiệp thể dục thể thao																			
	Đơn vị...																			
	...																			
3	Sự nghiệp phát thanh - truyền hình																			
	Đơn vị...																			
	...																			
4	Sự nghiệp khác																			
	Đơn vị...																			
...	...																			
																				
Chú chú: Chỉ tiết từng đơn vị																				

Chú: Chỉ tiết từng đơn vị

Hà Phòng, ngày... tháng... năm 2023
ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN/HUYỆN...
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

BÁO CÁO NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 24/2023/NĐ-CP NĂM 2023

(Kèm theo Công văn số ~~1885~~ /UBND-KSTTHC ngày ~~07~~ tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Đơn vị	BIÊN CHẾ ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN GIAO HOẶC PHÊ DUYỆT NĂM 2023	TỔNG SỐ ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG LƯƠNG CÓ MẶT ĐẾN 01/7/2023	HỆ SỐ LƯƠNG, PHỤ CẤP VÀ CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP THÁNG 7/2023														NHU CẦU TĂNG LƯƠNG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2023	NGUỒN CCTL CÒN DƯ ĐẾN 31/7/2023	CHÊNH LỆCH NHU CẦU VÀ NGUỒN THỰC HIỆN
				TỔNG CỘNG	LƯƠNG THEO NGẠCH, BẠC CHỨC VỤ	TỔNG CÁC KHOẢN PHỤ CẤP	Trong đó										CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP BHXH, BHYT, BHTN, KPCD			
							PHỤ CẤP KHU VỰC	PHỤ CẤP CHỨC VỤ	PHỤ CẤP THẨM NIÊN VƯỢT KHUNG	PHỤ CẤP ƯU ĐÃI NGÀNH	PHỤ CẤP THU HÚT	PHỤ CẤP CÔNG TÁC LÂU NĂM	PHỤ CẤP CÔNG VỤ	PHỤ CẤP CÔNG TÁC ĐẢNG	PHỤ CẤP THẨM NIÊN NGHỀ	PHỤ CẤP KHÁC				
A	B	3	4	5 = 6 + 7	6	= 8 +...+1	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19=5*310 *6th	20	21=20-19
	TỔNG CỘNG (A=B)																			
A	SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC																			
I	MẦM NON																			
1	Trường ...																			
2	Trường ...																			
...	...																			
2	TIỂU HỌC																			
1	Trường ...																			
2	Trường ...																			
...	...																			
3	TRUNG HỌC CƠ SỞ																			
1	Trường ...																			
2	Trường ...																			
...	...																			
B	SỰ NGHIỆP ĐÀO TẠO																			
1	Trung tâm dạy nghề và GDTX																			
...																				

Hải Phòng, ngày... tháng... năm 2023
ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN/HUYỆN...
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

BÁO CÁO NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN TĂNG LƯƠNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 24/2023/NĐ-CP VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 42/2023/NĐ-CP - KHỐI XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

(Kèm theo Công văn số 1875/UBND-KSTTHC ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Đơn vị	BIÊN CHẾ ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN GIAO HOẶC PHÊ DUYỆT NĂM 2023	TỔNG SỐ ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG LƯƠNG CÓ MẶT ĐẾN 01/7/2023	HỆ SỐ LƯƠNG, PHỤ CẤP VÀ CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP THÁNG 7/2023														NHU CẦU TĂNG LƯƠNG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2023	NGUỒN CCTL CÒN DƯ ĐẾN 31/7/2023	CHÉNH LỆCH NHU CẦU VÀ NGUỒN THỰC HIỆN
				TỔNG CỘNG	LƯƠNG THEO NGẠCH, BẠC CHỨC VỤ	TỔNG CÁC KHOẢN PHỤ CẤP	Trong đó										CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP BHXH, BHYT, BHTN, KPCD			
							PHỤ CẤP KHU VỰC	PHỤ CẤP CHỨC VỤ	PHỤ CẤP THẨM NIÊN VƯỢT KHUNG	PHỤ CẤP ƯU ĐÃI NGÀNH	PHỤ CẤP THU HÚT	PHỤ CẤP CÔNG TÁC LÂU NĂM	PHỤ CẤP CÔNG TÁC ĐẮNG	PHỤ CẤP THẨM NIÊN NGHỀ	PHỤ CẤP KHÁC					
A	B	3	4	5 = 6 + 7 + 18	6	7 = 8 + ... + 17	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19 = 5*310 *6th	20	21 = 20 - 19
	TỔNG CỘNG (... xã)																			
1	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC																			
2	HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN																			
3	PHỤ CẤP ĐẠI BIỂU HĐND																			
4	PHỤ CẤP ỦY																			
5	CÁN BỘ KHÔNG CHUYÊN TRÁCH																			
-	Cán bộ KCT ở xã, phường, TT																			
-	Cán bộ KCT ở thôn, tổ dân phố																			
6	CHI CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG																			
7	CÁN BỘ XÃ ĐÃ NGHỊ VIỆC HƯỞNG TRỢ CẤP HÀNG THÁNG THEO ND 42/2023/ND-CP																			
	XÃ A																			
1	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC																			
2	HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN																			
3	PHỤ CẤP ĐẠI BIỂU HĐND																			
4	PHỤ CẤP ỦY																			
5	CÁN BỘ KHÔNG CHUYÊN TRÁCH																			
-	Cán bộ KCT ở xã, phường, TT																			
-	Cán bộ KCT ở thôn, tổ dân phố																			
6	CHI CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG																			
7	CÁN BỘ XÃ ĐÃ NGHỊ VIỆC HƯỞNG TRỢ CẤP HÀNG THÁNG THEO ND 42/2023/ND-CP																			
	XÃ B																			
1	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC																			
2	HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN																			
3	PHỤ CẤP ĐẠI BIỂU HĐND																			
4	PHỤ CẤP ỦY																			
5	CÁN BỘ KHÔNG CHUYÊN TRÁCH																			
-	Cán bộ KCT ở xã, phường, TT																			
-	Cán bộ KCT ở thôn, tổ dân phố																			
6	CHI CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG																			
7	CÁN BỘ XÃ ĐÃ NGHỊ VIỆC HƯỞNG TRỢ CẤP HÀNG THÁNG THEO ND 42/2023/ND-CP																			
	XÃ ...																			

Hải Phòng, ngày... tháng... năm 2023
ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN/HUYỆN...
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

TỔNG HỢP KINH PHÍ TĂNG LƯƠNG THEO NGHỊ QUYẾT 20/2021/NQ-HĐND KHỐI QUẬN, HUYỆN VÀ XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN NĂM 2023

(Kèm theo Công văn số ~~1885~~ /UBND-KSTTHC ngày ~~07~~ tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị: 1.000 đồng

TT	Đơn vị	Mức phụ cấp				Hệ số phụ cấp năm 2023						Nhu cầu tăng lương 6 tháng năm 2023	Kinh phí 14% BHXH (đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã)			Tổng kinh phí
		Theo xã	Theo thôn			Cán bộ thực tế		Cán bộ kiêm nhiệm		3% BHYT (đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã)	Cộng hệ số 1 tháng		Số người không hưởng hưu trí	Hệ số	Kinh phí tăng thêm 6 tháng 2023	
			Thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự, thôn thuộc xã biên giới, hải đảo	Các thôn, Tổ dân phố đảm bảo quy mô số hộ gia đình	Các thôn, Tổ dân phố chưa đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định	Số người	Hệ Số	Số người	Hưởng 50% hệ số							
A	B	I	2a	2b	2c	3	4=1*3	5	6=1*5*50%	7=3*1,0*5%	8=4+6+7	9=8*310*6th	10	11	12=11*14%*310*6th	13=9+12
	TỔNG CỘNG (I+II)															
I	Cán bộ không chuyên trách ở cấp xã															
1	Phó Chỉ huy trưởng quân sự															
2	Phó Chủ tịch UBMT Tổ quốc															
3	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh															
4	Phó Chủ tịch Hội Nông dân															
5	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ															
6	Phó Bí thư ĐTNCS HCM															
7	Chủ tịch Hội Người cao tuổi															
8	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ															
9	Trưởng khối dân vận															
10	Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng ủy/Phó Chủ nhiệm UBKT ĐU															
11	Văn Phòng Đảng ủy kiêm Tổ chức, Tuyên giáo															
12	Phụ trách Đài truyền thanh và quản lý nhà văn hóa															
13	Trưởng ban Bảo vệ dân phố (ở phường, thị trấn)															
14	Phó Trưởng ban Bảo vệ dân phố (ở phường, thị trấn)															
15	Nhân viên thú y															
16	Đội trưởng đội dân phòng															
17	Đội phó đội dân phòng															
18	Nhân viên quản lý đô thị (ở phường, thị trấn)															
II	Cán bộ ko chuyên trách ở thôn, tổ dân phố															
1	Bí thư Chi bộ thôn/Tổ dân phố															
2	Trưởng thôn/Tổ trưởng Tổ dân phố															
3	Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, Tổ dân phố															

Hải Phòng, ngày... tháng... năm 2023
ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN/HUYỆN...
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

BẢNG TỔNG HỢP TĂNG LƯƠNG CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG NĂM 2023
(Kèm theo Công văn số **1875**/UBND-KSTTHC ngày **09** tháng **8** năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị: 1.000 đồng

Stt	Đơn vị	CHỈ HUY TRƯỞNG QUÂN SỰ							CHÍNH TRỊ VIÊN			CHỈ HUY PHÓ							CHÍNH TRỊ VIÊN PHÓ			TRUNG ĐỘI TRƯỞNG			TIÊU ĐỘI TRƯỞNG			TỔ ĐỘI TRƯỞNG			TỔNG HỆ SỐ				Tăng lương công tác quốc phòng năm 2023													
		Số người	Lương, PC theo CB CC cấp xã			Công tác QP		Cộng hệ số	Số người	Công tác QP		Số người	PC theo NQ 20		Công tác QP			Cộng hệ số	Số người	Công tác QP	Cộng hệ số	Số người	Công tác QP		Số người	Công tác QP	Cộng hệ số	Số người	PC hàng tháng theo NQ25	Cộng hệ số	Tổng cộng	Trong đó																
			HS lương	22,5% các khoản đóng góp	Phụ cấp công vụ	PC trách nhiệm	PC thâm niên			PC trách nhiệm	PC thâm niên		Cộng hệ số	Phụ cấp hàng tháng	Hỗ trợ BHYT 3%	PC trách nhiệm	PC đặc thù						Hỗ trợ BHXH	PC thâm niên								Số người	PC trách nhiệm	Cộng hệ số		Số người	PC trách nhiệm	Cộng hệ số	Số người	PC trách nhiệm	Cộng hệ số	Số người	PC hàng tháng theo NQ25	Cộng hệ số	Tổng cộng	Tổng số lương, phụ cấp theo CB CC	Tổng số phụ cấp theo NQ20	Tổng số phụ cấp cho công tác quốc phòng
A	B	1	2	3=2*25%	4=2*25%	5.1	5.2	6=2+...+5.2	7	8	9	10=8+9	11	12.1	12.2	13	14=(12+13+16)*50%	15=12.1*18%	16	17=12+...+16	18	19	20=19	21	22	23=22*50%	24=22+21	25	26	27=25*26	28	29	30=28*29	31=6+10+17+20+24+27+30	32=2+3+4	33=12.1+12.2+29	34=31-32-33	35=34*310*6đ										
	TỔNG CỘNG																																															
1	Xã/Phường ...																																															
2	Xã/Phường ...																																															
...	...																																															
...	...																																															

Hải Phòng, ngày... tháng... năm 2023
ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN/HUYỆN...
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

TỔNG HỢP KINH PHÍ TRỢ CẤP HƯU XÃ THEO NGHỊ ĐỊNH 42/2023/NĐ-CP
(Kèm theo Công văn số 4885. /UBND-KSTTHC ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị: 1.000 đồng

Stt	Đơn vị	Tổng số cán bộ hưởng trợ cấp có mặt 01/7/2023				Kinh phí trợ cấp theo mức cũ/1 tháng				Kinh phí trợ cấp theo mức mới/1 tháng				Nhu cầu tăng thêm theo Nghị định 42/2023/NĐ-CP năm 2023	Bảo hiểm y tế tăng thêm năm 2023	Tổng quỹ trợ cấp tăng thêm năm 2023
		Tổng số	Trong đó:			Tổng kinh phí theo mức cũ	Trong đó:			Tổng kinh phí theo mức mới	Trong đó:					
			Mức ... ngđ/tháng	Mức ... ngđ/tháng	Mức ... ngđ/tháng		Mức ... ngđ/tháng	Mức ... ngđ/tháng	Mức ... ngđ/tháng		Mức ... ngđ/tháng					
A	B	$1=2+3+4$	2	3	4	$5=6+7+8$	6	7	8	$9=10+11+12$	10	11	12	$13=(9-5)*6th$	$14=1*4,5\%*6th*310$	$15=13+14$
	TỔNG CỘNG															
1	Xã, phường, thị trấn ...															
2	Xã, phường, thị trấn ...															
3	Xã, phường, thị trấn ...															
4	...															
...	...															

Hải Phòng, ngày... tháng... năm 2023
ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN/HUYỆN...
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

BẢNG TỔNG HỢP QUỸ TRỢ CẤP TĂNG THÊM NĂM 2023 CỦA CÁN BỘ XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐÃ NGHỈ VIỆC HƯỞNG TRỢ CẤP HÀNG THÁNG TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Công văn số 1885.. /UBND-KSTTHC ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ NGƯỜI NGHỈ VIỆC HƯỞNG TRỢ CẤP HÀNG THÁNG ĐẾN 01/7/2023	QUỸ TRỢ CẤP 1 THÁNG THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 44/2019/NĐ-CP	QUỸ TRỢ CẤP 1 THÁNG THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 108/2021/NĐ-CP	QUỸ TRỢ CẤP 1 THÁNG THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 42/2023/NĐ-CP	QUỸ TRỢ CẤP TĂNG THÊM THÁNG 1	QUỸ TRỢ CẤP TĂNG THÊM THÁNG 7	BẢO HIỂM Y TẾ TĂNG THÊM THÁNG 7	TỔNG QUỸ TRỢ CẤP TĂNG THÊM NĂM 2023
A	B	1	2	3	4	5=3-2	6 = 4 - 2	7 = 1 x 0,31 x 4,5%	8 = (5+6+7) x 6T
	TỔNG SỐ								
1	Nguyên Bí thư, Chủ tịch.								
2	Nguyên Phó Bí thư, Phó Chủ tịch, Thường trực Đảng uỷ, Ủy viên, Thư ký UBND Thư ký HĐND, xã đội trưởng								
3	Các chức danh còn lại								

..., ngày.....tháng.....năm...
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN/HUYỆN...
(Ký tên, đóng dấu)

TỔNG HỢP KINH PHÍ TĂNG THÊM THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ PHỤ CẤP ĐỐI VỚI CÁN BỘ KHÔNG CHUYÊN TRÁCH
CẤP XÃ, THÔN VÀ TỔ DÂN PHỐ NĂM 2023

(Kèm theo Công văn số 1885/UBND-KSTTHC ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	CHỈ TIÊU	TỔNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ, THÔN	MỨC KHOẢN QUỸ PHỤ CẤP 1 THÁNG THEO NGHỊ ĐỊNH 34/2019/NĐ-CP	MỨC KHOẢN QUỸ PHỤ CẤP 1 THÁNG THEO NGHỊ ĐỊNH 33/2023/NĐ-CP	CHÊNH LỆCH KINH PHÍ KHOẢN QUỸ PHỤ CẤP THÁNG 7 NĂM 2023	CHÊNH LỆCH KINH PHÍ KHOẢN QUỸ PHỤ CẤP 5 T CUỐI NĂM 2023	CHÊNH LỆCH KINH PHÍ KHOẢN QUỸ PHỤ CẤP NĂM 2023
A	B	1	2	3	4= 1x2x(1,8-1,49)	5= 1x3x (1,8-1,49) x 5T	6=4+5
	TỔNG SỐ						
I	Xã, phường, thị trấn						
1	Loại I		16	21			
2	Loại II		13,7	18			
3	Loại III		11,4	15			
II	Thôn, tổ dân phố ⁽²⁾						
1	Số xã biên giới, hải đảo.						
	- Thôn thuộc xã biên giới, hải đảo.		5,0	6,0			
	- Tổ dân phố thuộc xã biên giới, hải đảo						
2	Số xã có thôn, tổ dân phố có 350 hộ gia đình trở lên, xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền						
	- Số thôn có 350 hộ gia đình trở lên, thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền		5,0	6,0			
	- Tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên		3,0	6,0			
	Tổ dân phố thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền		3,0	6,0			
	Tổ dân phố chuyển từ thôn có 350 hộ gia đình trở lên do thành lập đơn vị hành chính đô thị cấp xã		3,0	6,0			
3	Số xã, phường, thị trấn còn lại						
	- Thôn còn lại		3,0	4,5			
	- Tổ dân phố		3,0	4,5			

..., ngày.....tháng.....năm....
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN/HUYỆN...
(Ký tên, đóng dấu)

TỔNG HỢP KINH PHÍ TĂNG/GIẢM THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 33/2023/NĐ-CP - CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ
(Kèm theo Công văn số **1885** /UBND-KSTTHC ngày **07** tháng **8** năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Chỉ tiêu	Tổng số đơn vị hành chính cấp xã	Số lượng cán bộ, công chức cấp xã theo quy định tại Nghị định 34/2019/NĐ-CP		Số lượng cán bộ, công chức cấp xã đã tính định mức năm 2022	Trong đó hệ số tính định mức 2022			Số lượng cán bộ, công chức cấp xã theo quy định tại Nghị định 33/2023/NĐ-CP		Số lượng cán bộ, công chức cấp xã tăng/giảm so với định mức	Quý lương, phụ cấp, các khoản đóng góp tăng/giảm 1 tháng (lương 1,49)	Quý lương, phụ cấp tăng/giảm năm 2023 (lương 1,49)
			Định biên theo Nghị định 34/2019/NĐ-CP	Tổng số		Hệ số lương ngạch bậc bình quân	Hệ số phụ cấp bình quân	Tỷ lệ phụ cấp tính các khoản đóng góp	Định biên theo Nghị định 33/2023/NĐ-CP	Tổng số			
A	B	1	2	3=1x2	4	5	6	7	8	9=1x8	10=3-9	11	12=11 x 6T
	Tổng số												
1	Loại 1		23										
2	Loại 2		21										
3	Loại 3		19										

... , ngày... ..tháng... ..năm...
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN/HUYỆN...
(Ký tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN/HUYỆN....

TỔNG HỢP KINH PHÍ TĂNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 33/2023/NĐ-CP - NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH
Ở CẤP XÃ, Ở THÔN, TÓ DÂN PHỐ

(Kèm theo Công văn số 1885/UBND-KSTTHC ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	CHỈ TIÊU	TỔNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (số liệu xác định định mức 2022)	MỨC KHOẢN QUỸ PHỤ CẤP 1 THÁNG		KHOẢN QUỸ PHỤ CẤP 1 THÁNG THEO NGHỊ ĐỊNH 34 (LƯƠNG 1,49)	KHOẢN QUỸ PHỤ CẤP 1 THÁNG THEO NGHỊ ĐỊNH 33 (LƯƠNG 1,49)	QUỸ PHỤ CẤP TĂNG NĂM 2023
			Theo Nghị định 34/2019/NĐ-CP	Theo Nghị định 33/2023/NĐ-CP			
A	B	1	2	3	4=1x2x1,49	5=1x3x1,49	6= (5-4) x 5T
	TỔNG SỐ						
I	Xã, phường, thị trấn						
1	Loại I		16	21			
2	Loại II		13,7	18			
3	Loại III		11,4	15			
II	Thôn, tổ dân phố						
1	Số xã biên giới, hải đảo.						
	- Thôn thuộc xã biên giới, hải đảo.		5,0	6,0			
	- Tổ dân phố thuộc xã biên giới, hải đảo			6,0			
2	Số xã có đơn vị hành chính cơ sở 500 hộ gia đình trở lên, xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền						
	Số thôn có 350 hộ gia đình trở lên, thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền		5,0	6,0			
	Số tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên		3,0	6,0			
	Tổ dân phố thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền		3,0	6,0			
	Tổ dân phố chuyển từ thôn có 350 hộ gia đình trở lên do thành lập đơn vị hành chính đô thị cấp xã		3,0	6,0			
3	Số xã, phường, thị trấn còn lại						
	- Thôn còn lại		3,0	4,5			
	- Tổ dân phố		3,0	4,5			

..., ngày... tháng... năm...
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN/HUYỆN...
 (Ký tên, đóng dấu)

TỔNG HỢP PHỤ CẤP ƯU ĐÃI NGHỀ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 05/2023/NĐ-CP NGÀY 15/02/2023 CỦA CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Công văn số 1885 /UBND-KSTTHC ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Chi tiêu	Tổng số đối tượng	Tổng hệ số	Bao gồm:				Mức phụ cấp ưu đãi theo Nghị định 56/2011/NĐ-CP của Chính phủ	Mức phụ cấp ưu đãi theo Nghị định 05/2013/NĐ-CP của Chính phủ	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi	Nhu cầu kinh phí tăng thêm 1 tháng (lương 1,49 trđ)	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023
				Hệ số lương theo ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó							
						Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung						
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	10	11=10-9	12=4x11x1,49	13=12x12T	14=12x6T+12x1,8/1,49x6T
	Tổng số												
I	Cấp tỉnh												
									100%				
II	Cấp huyện								100%				
1	Huyện A								100%				
									100%				
2	Huyện B								100%				
									100%				
Ghi chú: Chi tiết từng đối tượng hưởng,													

Ghi chú: Chi tiết từng đối tượng hưởng,

..., ngày... .. tháng... .. năm...
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN/HUYỆN...
(Ký tên, đóng dấu)

BÁO CÁO NGUỒN KINH PHÍ ĐỂ THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2023
(Kèm theo Công văn số **1885** /UBND-KSTTHC ngày **09** tháng **8** năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
1	2	3
A	NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2023	
1	70% tăng thu NSDP (không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, thu cổ phần hóa và thoái vốn doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý, thu tiền thuê đất một lần được nhà đầu tư ứng trước để bồi thường, giải phóng mặt bằng và thu từ xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng để chi đầu tư theo quy định; thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa; phí tham quan các khu di tích, di sản thế giới; phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu; phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản; phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã và thu tiền cho thuê, cho thuê mua, bán nhà thuộc sở hữu nhà nước) thực hiện 2022 so dự toán HĐND thành phố giao năm 2022	
2	Số tiết kiệm 10% chi thường xuyên dự toán năm 2023	
3	Số thu được huy động từ nguồn để lại đơn vị năm 2023 (các đơn vị chưa tự đảm bảo chi thường xuyên) : + Học phí + Viên phí + Nguồn thu khác	
4	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2022 chưa sử dụng hết chuyển sang 2023	
B	TỔNG NHU CẦU NĂM 2023	
I	Tổng nhu cầu kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	
1	Quỹ tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp tăng thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc trong khu vực hành chính sự nghiệp	
2	Quỹ lương, phụ cấp tăng thêm đối với cán bộ chuyên trách và công chức cấp xã	
3	Hoạt động phí tăng thêm đối với đại biểu hội đồng nhân dân các cấp	
4	Quỹ trợ cấp tăng thêm đối với cán bộ xã nghỉ việc hưởng trợ cấp hàng tháng theo ND 42/2023/NĐ-CP	
5	Kinh phí tăng thêm thực hiện chế độ đối với cán bộ không chuyên trách cấp xã, thôn và tổ dân phố	
6	Kinh phí tăng thêm để thực hiện phụ cấp trách nhiệm đối với cấp uỷ viên các cấp theo QĐ số 169-QĐ/TW ngày 24/6/2008	
7	Kinh phí tăng thêm thực hiện chế độ bồi dưỡng phục vụ hoạt động cấp uỷ thuộc cấp tính theo Quy định 09-QĐ/VPTW ngày 22/9/2017	
II	Nhu cầu thực hiện một số loại phụ cấp, trợ cấp theo quy định:	
1	Phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức công tác tại các cơ sở y tế công lập theo Nghị định số 05/2023/NĐ-CP ngày 15/02/2023 của Chính phủ	
2	Nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2023 theo ND số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018, Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020, Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ	
3	Nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách nghỉ hưu trước tuổi năm 2023 theo ND số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ	
4	Nhu cầu kinh phí tăng thêm thực hiện chế độ thù lao đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo Hội đặc thù	
5	Nhu cầu kinh phí tăng thêm thực hiện chế độ trợ cấp lần đầu đến nhận công tác tại vùng ĐBKK, trợ cấp 1 lần khi chuyển công tác ra khỏi vùng ĐBKK theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ	
6	Kinh phí tăng/giảm do thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ	
III	Nhu cầu kinh phí thực hiện NQ số 05/2022/NQ-HĐND và NQ số 01/2023/NQ-HĐND của HĐND thành phố về thu nhập tăng thêm năm 2023.	
C	CHÊNH LỆCH NHU CẦU VÀ NGUỒN NĂM 2023	
1	Phần thiếu nguồn ngân sách thành phố hỗ trợ.	
2	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương còn dư	

..., ngày... tháng... năm...
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN/HUYỆN...
(Ký tên, đóng dấu)

TỔNG HỢP NHU CẦU, NGUỒN THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 24/2023/NĐ-CP NĂM 2023

(Kèm theo Công văn số 1885 /UBND-KSTTHC ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	CHỈ TIÊU	NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN CCTL NĂM 2023	NGUỒN TỪ TIẾT KIỆM 10% CHI THƯỜNG XUYÊN, NGUỒN THU ĐỂ LẠI ĐƠN VỊ				
			TỔNG SỐ	TIẾT KIỆM 10% CHI THƯỜNG XUYÊN	NGUỒN THU TỪ ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH, SỰ NGHIỆP		
					HỌC PHÍ	VIỆN PHÍ	KHÁC
	QUẬN/HUYỆN...						
a	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo						
	Trong đó:						
	- Giáo dục						
	- Đào tạo						
b	Sự nghiệp y tế						
c	Sự nghiệp khác						
d	Quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể						
	Trong đó: Cán bộ, công chức cấp xã						

Ghi chú: Chỉ bao gồm nhu cầu, nguồn của các đơn vị chưa tự đảm bảo chi thường xuyên.

..., ngày...tháng...năm...
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN, HUYỆN...
(Ký tên, đóng dấu)

